

QUYẾT ĐỊNH

**Số 1286/QĐ-UB ngày 06/7/1996 của UBND tỉnh DakLak
về việc ban hành quy trình phòng cháy, chữa cháy rừng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH DAKLAK

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 21/6/1994;
- Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng ban hành ngày 19/8/1991;
- Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 09/03/1995 của Chính phủ ban hành quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng;
- Căn cứ Chỉ thị số 177/TTg ngày 20 tháng 3 năm 1995 của Chính phủ về những biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng và Công văn số 695/LN-KT ngày 30 tháng 3 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) về khẩn trương triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về những biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng;
- Xét đề nghị của ông Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm tại Công văn số 119/KL ngày 8/5/1996

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này bản quy trình phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Giám đốc các lâm trường, chủ rừng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH DAKLAK
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
NGUYỄN VĂN LẠNG

QUY TRÌNH PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 1286/QĐ-UB ngày 06 tháng 7 năm 1996)

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Quy trình này quy định những yêu cầu về nghiệp vụ kỹ thuật, các tiêu chuẩn, biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng áp dụng cho các đối tượng rừng trong toàn tỉnh.

Điều 2: Chi cục kiểm lâm, các Hạt kiểm lâm căn cứ vào tình hình xu thế thời tiết hàng ngày hàng tuần trong mùa khô hanh, quan hệ với vật liệu cháy rừng để dự báo cháy rừng theo phương pháp tổng hợp và thông tin cấp dự báo cháy rừng trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin vô tuyến từ tỉnh đến huyện, xã, thôn, xóm, các đơn vị kinh doanh suốt mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau.

Điều 3: Các chủ rừng ngành kiểm lâm, các cấp từ tỉnh, huyện, xã đến thôn, xóm, các cơ quan đơn vị căn cứ quy trình này để chỉ đạo thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi đơn vị, địa phương mình quản lý.

Điều 4: Chi cục Kiểm lâm và các chủ rừng căn cứ vào từng trường hợp cụ thể ở cơ sở mà áp dụng kỹ thuật xây dựng băng trắng, băng xanh, quy vùng sản xuất nương rẫy, chòi canh, xử lý thực bì làm giảm vật liệu cháy, xây dựng hệ thống thông tin trong các cộng đồng dân cư về quy trình này.

CHƯƠNG II

PHÒNG CHÁY RỪNG

MỤC I: TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 5: Chi cục kiểm lâm và các hạt kiểm lâm tham mưu giúp UBND tỉnh, UBND cấp huyện và xã xây dựng phương án và thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy rừng do Chủ tịch hc phó chủ tịch UBND làm trưởng ban, Kiểm lâm làm Phó ban thường trực, đại diện các ngành hữu quan tham gia làm uỷ viên. Các ban này có chức năng giúp chính quyền các cấp tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc phòng cháy,

chữa cháy rừng ở các cơ sở trong suốt mùa khô hanh, đặc biệt vùng trọng điểm cháy ở các huyện.

Điều 6: Lực lượng kiểm lâm ở Hạt, Đội kiểm lâm cơ động ở vùng trọng điểm cháy vào thời kỳ cao điểm dễ cháy phải được tổ chức thành các nhóm công tác từ 2-3 người, có nhóm trưởng. Từ 3-5 nhóm hợp thành một tổ, có tổ trưởng phụ trách. Lực lượng này được triển khai đến tận thôn, xóm, xã chỉ đạo thành các tổ, đội tình nguyện bảo vệ rừng ở cơ sở từ 15-20 người để cùng nhóm kiểm lâm đặc trách phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 7: Mỗi tổ, đội tình nguyện bảo vệ rừng ở thôn, xóm gồm 15-20 người, ở các nông trường, lâm trường, đơn vị vũ trang ở trong rừng và ven rừng có 15-30 người. Lực lượng phải được trang bị các dụng cụ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng và được huấn luyện nghiệp vụ kỹ thuật cùng lực lượng kiểm lâm thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, canh gác diện tích rừng được giao khoán để bảo vệ, khoanh nuôi.

Điều 8: Hàng năm vào mùa khô, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Chi cục kiểm lâm phải có kế hoạch cụ thể mở các đợt tuyên truyền giáo dục dưới nhiều hình thức phong phú phù hợp với đặc điểm của từng địa phương và hướng dẫn các chủ rừng chỉ đạo sát sao việc phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi chủ rừng quản lý kinh doanh.

MỤC II: DỰ BÁO CHÁY RỪNG THEO PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP VÀ THÔNG TIN CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG.

Điều 9: Để chủ động phòng cháy, chữa cháy rừng có hiệu quả, Chi cục kiểm lâm phối hợp với Trạm dự báo phục vụ khí tượng thủy văn tỉnh tiến hành dự báo cháy rừng theo phương pháp tổng hợp trong mùa khô hanh bao gồm 4 nội dung sau:

1. Xây dựng trạm dự báo cháy rừng để đo tính các nhân tố môi trường liên quan đến vật liệu cháy hàng ngày và dài ngày (tuần khí tượng do Trạm dự báo phục vụ khí tượng thủy văn tỉnh cung cấp).

2. Xác định thời kỳ dễ phát sinh cháy phục vụ cho việc lập kế hoạch cho phòng chữa và cháy rừng trong mùa khô.

3. Đo tính chỉ tiêu cấp dự báo cháy hàng ngày và dài ngày theo 5 cấp và UBND tỉnh đã ban hành.

4. Phải đảm bảo thông tin thông suốt cấp dự báo cháy rừng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong mùa khô trên quy mô toàn tỉnh.

Điều 10: Phải xây dựng Trạm dự báo cháy rừng gồm trạm chính và các trạm phụ, bố trí lực lượng dự báo và thông tin cấp cháy.

- Trạm chính hàng ngày đo 3 lần vào hồi 7h, 13h, 19h; đo và thống kê vào sổ sách các số liệu: Nhiệt độ, độ ẩm không khí, độ ẩm vật liệu cháy, độ ẩm đất, tốc độ gió,

mua... Chú ý : Đo lúc 13h thu thập các số liệu: T^0_{13} , D_{N13} , lượng mưa ngày... để tính toán cấp cháy theo công thức (1) ở Điều 11 và thông tin cấp cháy hàng ngày để các cơ sở có biện pháp phòng và sẵn sàng chữa cháy.

- Trạm phụ đặt tại các Hạt kiểm lâm, các lâm trường có nhiệm vụ đo bổ sung các yếu tố: lượng mưa, nhiệt độ lúc 13h, vật liệu cháy... để bổ sung số liệu cấp cháy cho trạm chính, góp phần nâng cao độ chính xác của dự báo chung toàn vùng.

Điều 11: Dự báo cháy rừng hàng ngày theo công thức:

$$P_i = K \sum_{i+1}^{i+1} t^0_{13} \times D_{N13} \quad (1)$$

Trong đó:

K: Hệ số điều chỉnh theo lượng mưa ngày a.

K có 2 giá trị: K = 1 khi $a < 5$ mm

K = 0 khi $a > 5$ mm

T^0_{13} : Nhiệt độ đo lúc 13h, giờ cao điểm dễ xảy ra cháy rừng trong ngày.

D_{N13} : Độ chênh lệch bão hoà lúc 13h.

Điều 12: Dự báo dài ngày (Tuần khí tượng 5-10 ngày) và hàng ngày theo công thức (2) tính chỉ số ngày khô hạn liên tục (H) và thông tin cấp cháy.

$$H_i = K(H_i - 1 + n)$$

Trong đó:

H_i = Số ngày khô hạn liên tục không mưa

K: Có cùng ý nghĩa ở công thức (1)

n: Số ngày không mưa hoặc mưa dưới 5 ly tiếp theo.

Điều 13: Khi dự báo ở cấp 1 ít có khả năng cháy rừng. Hạt kiểm lâm phải phối hợp giúp UBND các xã và các chủ rừng triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, phải tổ chức kiểm tra hướng dẫn quy vùng sản xuất nương rẫy, tuyên truyền giáo dục trong các cộng đồng dân cư về phòng cháy chữa cháy rừng và hướng dẫn phát, đốt nương rẫy đúng kỹ thuật.

Điều 14: Khi dự báo đến cấp 2, có khả năng cháy rừng, Hạt kiểm lâm phải phối hợp với UBND các xã chỉ đạo ban phòng cháy, chữa cháy rừng và các chủ rừng tăng cường kiểm tra đôn đốc, bố trí người canh phòng, lực lượng và phương tiện thường xuyên sẵn sàng dập tắt lửa khi mới xảy ra cháy rừng, hướng dẫn bà con nông dân về kỹ thuật làm nương rẫy. Dự báo viên tiếp tục đo tính cấp cháy và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 15: Khi dự báo đến cấp 3, thời tiết khô hanh dễ xảy ra cháy rừng, Hạt kiểm lâm tăng cường đôn đốc các chủ rừng coi trọng biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng,

cắm đốt nương làm rẫy. Các chủ rừng phải thường xuyên canh phòng , nhất là đối với vùng rừng trọng điểm dễ cháy như rừng trồng, rừng tự nhiên bao gồm: Khốp, thông, bạch đàn, keo lá tràm, tre, nứa v.v... tập trung ở các huyện EaH'Leo, Krông Buk, EaKar, Ea Súp, Dak Nông, Krông Nô, M'ĐRăk, Lăk, ĐăkR'Lấp, Cư Jút, DakMil, Krông Păk, Krông Ana...

- Dự báo viên tiếp tục tính toán và thông tin cấp cháy.

- Lực lượng canh phòng phải trực 10/24 giờ trong ngày (từ 10h đến 20h)

Khi xảy ra cháy rừng, Hạt kiểm lâm tham mưu cho UBND xã huy động mọi lực lượng, phương tiện tham gia cứu chữa.

Điều 16: Khi dự báo cháy rừng đến cấp 4, cấp nguy hiểm, thời tiết khô hanh kéo dài có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, Hạt kiểm lâm tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo các xã về việc phòng cháy, chữa cháy rừng tới các chủ rừng.

- Lực lượng kiểm lâm và các chủ rừng phải kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm ở các huyện.

- Lực lượng canh phòng phải thường xuyên trên chòi canh, ngoài hiện trường rừng dễ cháy bảo đảm 12.24 giờ (từ 10h đến 22h) trong ngày, nhất là các giờ cao điểm (từ 11h đến 17h), phát hiện kịp thời điểm cháy, báo động và huy động lực lượng , phương tiện dập tắt ngay, không được để lửa lan tràn rộng.

- Dự báo viên phải nắm chắc tình hình khí tượng thủy văn để dự báo, thông tin cấp cháy và biện pháp phòng cháy, chữa cháy kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 17: Khi dự báo đến cấp 5, cấp cực kỳ nguy hiểm, thời tiết hạn kéo dài có khả năng cháy lớn và lan tràn nhanh, Chủ tịch UBND tỉnh, UBND huyện trực tiếp chỉ huy hạt kiểm lâm và các xã kiểm tra đôn đốc thường xuyên tới các chủ rừng . Kiểm tra chặt chẽ không cho người và phương tiện ra vào rừng tùy tiện. Nghiêm cấm tuyệt đối không được đốt lửa trong rừng và ven rừng.

- Lực lượng canh phòng trên các chòi canh và các vùng trọng điểm cháy bảo đảm 24/24 giờ trong ngày.

- Nghiêm cấm việc dùng lửa trong rừng và ven rừng đối với người ra vào rừng, người du lịch...

- Khi xảy ra cháy rừng, chủ rừng, chính quyền địa phương phải huy động lực lượng và phương tiện dập tắt ngay. Tất cả các vụ cháy rừng đều phải lập biên bản và có biện pháp xử lý nghiêm minh.

- Dự báo viên phải làm tốt công tác dự báo và thông tin cấp cháy liên tục nhiều lần trong ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng trong suốt thời kỳ cao điểm dễ cháy rừng.

Điều 18: Trong suốt mùa khô hạn phải duy trì đều đặn, thông suốt hệ thống thông tin từ Chi cục kiểm lâm đi các Hạt, Trạm kiểm lâm, Đội kiểm lâm cơ động, các lâm trường v.v...

Điều 19: Đơn vị dự báo cháy rừng và các trạm kiểm lâm cơ sở có trách nhiệm giữ gìn bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị vật tư đúng nội quy; bảo đảm việc đo tính cấp cháy và thông tin cấp cháy thông suốt thường xuyên.

MỤC III: XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG BĂNG CẢN LỬA.

Điều 20: Băng trắng và băng xanh nhằm ngăn cách, hạn chế lửa giữa rừng với nương rẫy, ruộng, vườn, điểm dân cư, đường giao thông, kho tàng... và phân chia từng khu rừng để cháy thành những lô, khoảnh ở các huyện EaH'Leo, Krông Buk, EaKar, Ea Súp, Dak Nông, Krông Nô, M'ĐRăk, Lăk, ĐăkR'Lấp, Cư Jút, DakMil, Krông Păk, Krông Ana...

Điều 21: Các chủ rừng khi thiết kế trồng rừng nhất thiết phải thiết kế thi công ngay hệ thống đường băng trắng hoặc băng xanh gắn với quy cách xây dựng hệ thống đường giao thông trong các khu rừng. Nếu độ dốc trên 25 độ thì không được làm băng trắng mà phải trồng ngay cây xanh trên băng cùng với việc trồng rừng ngay năm đó. Không được để đất trống gây xói mòn, rửa trôi, bạc màu đất.

Điều 22: Nguyên tắc làm đường băng trắng: Chỉ áp dụng 1-2 năm đầu ở rừng tự nhiên nơi có độ dốc dưới 25 độ. Vì chưa có đủ điều kiện lao động, kinh phí, giống cây con để trồng băng xanh, năm sau phải tiến hành trồng ngay băng xanh để tiết kiệm đất, bảo vệ đất. Băng trắng ở rừng tự nhiên có độ rộng từ 10-15m. Khi xây dựng băng trắng phải xử lý toàn bộ thực bì, phơi khô, vun thành dải, dải cách bìa rừng từ 5-8m. Dải vật liệu này làm thành từng đoạn dài 8-10m, đầu nọ cách cuối đoạn kia 3-5m, đốt vào đầu mùa khô, khi đốt phải có người canh gác và kiểm soát lửa trên băng, đốt lúc gió nhẹ vào lúc buổi sáng và chiều tối, không được đốt vào ban trưa. Tuyệt đối không được để lửa cháy lan vào rừng. Đất xong phải kiểm tra toàn bộ đường băng cho tới khi lửa tắt hẳn.

Điều 23: Xây dựng hệ thống đường băng xanh: Phải xây dựng hệ thống đường băng xanh hỗn giao bằng nhiều loại cây, tạo thành đai xanh có kết cấu nhiều tầng để ngăn cháy lan mặt đất và cháy lướt tán rừng, bao gồm:

1. Đường băng chính: Phải kết hợp với việc xây dựng đường giao thông nông thôn, đường dân sinh kinh tế.

a. Đối với rừng tự nhiên: Đường băng chia rừng ra nhiều khoảnh, cự ly các đường băng chính cách nhau 2-3km

b. Đối với rừng trồng đường băng chính có cự ly cách nhau 1-2km

2. Đường băng nhánh (phụ):

a. Đối với rừng tự nhiên: Căn cứ vào điều kiện cụ thể từng nơi mà cự ly cách nhau giữa các đường băng từ 1-2km.

b. Đối với rừng trồng: Căn cứ vào điều kiện từng nơi mà cự ly xây dựng giữa các đường băng cách nhau 300-500m.

Điều 24: Độ rộng của đường băng:

Đối với rừng trồng đã khép tán và rừng tự nhiên độ rộng của đường băng phải lớn hơn chiều cao của cây rừng.

a. Đường băng chính: Đối với cả 2 loại rừng tự nhiên và rừng trồng có độ rộng từ 10-20m và phải trồng cây xanh.

b. Đường băng nhánh (phụ) kể cả hai loại rừng: Rừng tự nhiên và rừng trồng phải có độ rộng tối thiểu từ 8-10m và phải trồng cây xanh.

Điều 25: Hướng của đường băng.

a. Nơi có độ dốc dưới 15độ: Hướng đường băng phải vuông góc với hướng gió hại chính trong mùa cháy.

b. Nơi có độ dốc lớn trên 15 độ: Thì đường băng bố trí trùng với đường đồng mức, trường hợp có thể lợi dụng đường mòn, khe suối, dòng suối, đường dân sinh kinh tế miền núi để làm đường băng thì dọc hai bên đường băng đó phải xây dựng một hoặc hai vành đai cây xanh cản lửa, mỗi bề rộng 5-8m hàng năm phải chăm sóc, tu bổ băng cây xanh theo kỹ thuật chăm sóc rừng trồng.

Điều 26: Loài cây trồng trên băng cản lửa:

Lựa chọn tập đoàn cây ở địa phương có sức chống chịu lửa giỏi, cây chứa nhiều nước, có khả năng chịu nhiệt độ cao, vỏ dày, không rụng lá trong mùa khô, cây có sức tái sinh hạt và chồi mạnh, sinh trưởng phát triển nhanh, không có cùng loài sâu bệnh hại với cây trồng rừng hoặc là ký chủ của các loài sâu bệnh hại cây rừng, cây trồng tạo thành đai rừng phòng cháy.

MỤC IV: XÂY DỰNG CHÒI CANH GÁC LỬA RỪNG

Điều 27: Nguyên tắc bố trí chòi canh:

a. Chòi canh phải đặt ở vị trí có tầm nhìn xa nhất (tối thiểu từ 5-15km) để dễ dàng phát hiện các đám khói hoặc lửa bốc lên, dự báo được mức độ lửa cháy to hay nhỏ để huy động kịp thời lực lượng và phương tiện đến dập tắt lửa rừng ngay tại chỗ không để lửa cháy lan.

b. Chòi canh phải có độ cao hơn chiều cao của khu rừng , gồm hai loại chòi:

- Chòi chính: Đặt ở vị trí trung tâm của khu rừng dễ cháy, tầng trên có tầm nhìn xa 10-15km, làm chòi bằng sắt hoặc nguyên liệu bền chắc sẵn có ở địa phương đảm bảo sử dụng lâu bền.

- Chòi phụ: Được bố trí trong toàn bộ hệ thống chòi canh, tầng trên có tầm nhìn xa 3-5km.

- Chòi chính và chòi phụ: Được bố trí theo lưới tam giác.

c. Phải đảm bảo an toàn cho việc sử dụng, khi xây dựng chòi chính và chòi phụ phải có thang lên xuống, xung quanh chân chòi phải dọn sạch cây trong phạm vi bán kính 20-30m, có một gian nhà có 4 cửa để quan sát bốn phía, có bản đồ khu vực rừng cần bảo vệ, ống nhòm, keng báo động, cờ hiệu, bộ đàm để thông tin về cháy rừng, có thu lôi chống sét, có phòng ở tầng dưới cho nhân viên (nghỉ ngơi), thay nhau canh gác.

Điều 28: Tổ chức hoạt động của chòi canh:

Mỗi chòi có từ 2-3 người thay nhau làm việc. Vào thời kỳ cao điểm dễ xảy ra cháy rừng trong mùa khô hanh (tháng 12, 1, 2, 3, 4) dự báo cháy rừng ở cấp 4, 5 chòi phải có người làm việc thường xuyên đảm bảo 24/24 giờ /ngày. Khi nhân viên quan sát phát hiện thấy cháy rừng, phải phát hiện rõ tọa độ của đám cháy, mức độ lửa rừng, báo cáo ngay về trung tâm chỉ huy và báo động để huy động kịp thời lực lượng và phương tiện để cứu chữa, không để lửa lan tràn lớn.

MỤC V: BIỆN PHÁP KỸ THUẬT XỬ LÝ THỰC BÌ LÀM GIẢM VẬT LIỆU CHÁY RỪNG.

Điều 29: Dọn thực bì:

Hàng năm khi bước vào mùa khô (cuối tháng 11 đầu tháng 12) ở những khu rừng dễ cháy (rừng trồng và rừng tự nhiên) dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật, nghiệp vụ của kiểm lâm, chủ rừng phải thực hiện dọn thực bì theo dải, theo băng, rộng từ 10-15m dọc các đường giao thông, đường mòn, khu dân cư, kho tàng, vật liệu khô vụn thành dải từ 6-8m ở ngoài bìa rừng. Khi đốt phải có người canh gác, đốt vào sáng sớm hoặc buổi chiều vào lúc gió nhẹ, đốt ngược chiều gió, không được đốt vào ban trưa hoặc lúc gió mạnh.

Điều 30: Nguyên tắc xử lý thực bì:

a. Đối với rừng trồng: Chủ rừng sử dụng dụng cụ thủ công hoặc cơ giới chăm sóc rừng, phải cày hoặc cuốc úp đất phủ lên lớp thảm tươi, cây bụi và chăm sóc cuốc gốc lần thứ nhất 0,6-0,8m, chăm sóc lần hai cuốc xung quanh rộng 1-1,2m. Sang năm thứ hai phát thực bì và cuốc lại đất đồng thời tán cây rừng dần dần phát triển khép tán tiêu diệt lớp thảm tươi ở dưới. Trên các đất trồng rừng tùy theo độ dốc và tính chất rừng phải thực hiện trồng xen cây nông nghiệp ngăn ngày cho phù hợp.

b. Đối với rừng trồng đã khép tán và rừng tự nhiên dễ cháy: Chủ rừng phải tiến hành chặt, phát thảm tươi cây bụi theo đám hoặc theo dải thu dọn cành, nhánh, chặt cây chết, cây sâu bệnh, thu dọn cành khô lá rụng, tận dụng nguồn vật liệu này để làm chất đốt, số vật liệu còn lại kéo ra bìa rừng tạo nên các dải rôi đốt lúc gió nhẹ, có người canh gác.

MỤC VI: BẢO VỆ RỪNG TRONG SẢN XUẤT NƯƠNG RỖY

Điều 31: Quy vùng, thống kê, quản lý sử dụng đất đai làm nương rẫy:

a. Đối với đồng bào dân tộc ở các huyện còn du canh, du cư hoặc định cư nhưng còn du canh nhất là các vùng giáp ranh, vùng biên giới Việt Nam - Campuchia thì các Hạt kiểm lâm hàng năm phải thực hiện tốt việc thống kê, quản lý, quy vùng sử dụng đất đai tạm thời cho dân; khi làm nương rẫy phải hướng dẫn bà con thực hiện đúng kế hoạch, phân vùng vạch rõ ranh giới, có mốc bằng niên yết ngoài thực địa, lập bản đồ quy hoạch phân loại đất đai giành cho sản xuất nương rẫy

b. Trong những vùng được phép sản xuất nương rẫy, Hạt kiểm lâm phải hướng dẫn đồng bào phát dọn toàn bộ thực bì, phơi khô, vun thành dải rộng 2-3m, dải nọ cách dải kia 5-6m, dải cách bìa rừng phải cách xa rừng 6-8m, đốt lúc gió nhẹ vào buổi chiều tối hoặc buổi sáng, đốt lần lượt từng dải thứ tự từ trên sườn đồi xuống chân đồi, nơi đất bằng thì đốt lần lượt từ dải vật liệu cuối chiều gió cho tới dải vật liệu cuối cùng.

b. Khi đốt phải có người canh gác, cứ 10-15m phải có một người canh gác trên băng không để lửa cháy vào rừng. Khi đốt phải báo cáo với Ban lâm nghiệp xã và tổ đội bảo vệ rừng của thôn, bản. Đốt xong phải kiểm tra toàn bộ nương, khi lửa tắt hẳn mới ra về.

Điều 32: Phải kết hợp chặt chẽ giữa quy vùng sản xuất nương rẫy với giao khoán rừng, định canh định cư, xây dựng kinh tế vườn đồi, trang trại đến hộ gia đình, xây dựng nương rộng bậc thang chống xói mòn đất, bảo vệ rừng an toàn ừ lửa trong suốt mùa cháy rừng. Hàng năm vào thời kỳ từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, các Hạt kiểm lâm phải tăng cường kiểm tra hướng dẫn đồng bào làm nương rẫy đúng quy định trên những vùng đất đai đã được quy hoạch không để đồng bào phát, đốt rừng tràn lan trái phép.

CHƯƠNG III: CHỮA CHÁY RỪNG

MỤC VII: ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIỚI HẠN ĐÁM CHÁY ĐỂ CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 33: Phát hiện đám cháy và huy động lực lượng cứu chữa: Khi phát hiện được đám cháy, Chủ tịch UBND xã và các chủ rừng phải huy động kịp thời lực lượng,

phương tiện tại chỗ, sử dụng nguồn nước, đất, cát cành cây tươi... dập tắt ngay, không để lửa lan tràn. Nếu lực lượng và phương tiện tại chỗ không đủ khả năng chữa cháy, Chủ tịch UBND xã báo cáo ngay về cấp trên để có biện pháp hỗ trợ lực lượng, phương tiện để cứu chữa. Đội hình chữa cháy phải giới hạn đám cháy bằng cách tạo ra các băng trắng ngăn cản lửa có độ rộng từ 15-20m, nếu tốc độ gió lớn, lửa lan tràn quá mạnh phải làm băng trắng có độ rộng từ 20-30m.

Điều 34: Biện pháp giới hạn đám cháy:

a. Trong điều kiện thời tiết hạn kiệt, vật liệu trong rừng khô nỏ, độ ẩm vật liệu từ 20% trở xuống khi cháy rừng phải:

- Tạo ngay băng trắng đón đầu ngọn lửa theo một cự ly sao cho phù hợp, thi công xong trước khi ngọn lửa tràn đến. Trên băng phải dọn và vun hết vật liệu cháy vào giữa băng và cho đốt hết vật đó trên băng.

- Cự ly của hai tuyến dọn sạch vật liệu cháy quy định như sau:

1. Nếu tốc độ gió 3-5 m/giây thì khoảng cách giữa hai tuyến dọn sạch vật liệu cháy là 20-30 m.

2. Nếu tốc độ gió trên 6 m/giây thì khoảng cách giữa hai tuyến dọn sạch vật liệu cháy là 30-50m.

b. Trong trường hợp có nguồn vật liệu lớn, chịu ảnh hưởng của nhiệt độ cao, năng nóng kéo dài, gió thổi mạnh... cả những cây còn sống cũng bị khô héo, khi chữa cháy phải làm đai cản lửa dự phòng để ngăn lửa làm giảm tốc độ lan tràn của ngọn lửa. Khoảng cách giữa các đai cách nhau 50m, đai có hướng vuông góc với hướng gió chính trong thời kỳ cháy.

MỤC VIII: AN TOÀN TRONG CHỮA CHÁY

Điều 35: An toàn lao động khi chữa cháy:

a. Khi chữa cháy, lực lượng chữa cháy phải: Chẩn bị đủ nước uống, bông, băng, thuốc bông, cán. Trường hợp bị thương phải sơ cứu và đưa đi cấp cứu. Nếu bị thương nặng hoặc tử vong phải lập biên bản để sau này tiện việc giải quyết chính sách, chế độ.

b. Lực lượng chữa cháy phải được tập huấn nghiệp vụ, khi chữa cháy phải được bố trí theo tổ, nhóm có người điều hành thống nhất, có bộ đàm chỉ huy. Lực lượng chữa cháy phải tập kết phía sau ngọn lửa, cách xa đám cháy trên 100m. Xung quanh nơi tập kết phải làm băng trắng ngăn cách có độ rộng trên 50m. nếu dùng cành tươi chữa cháy phải phát hết cành cây non và có đoạn cán tay cầm 40-50cm. Nếu chữa cháy bằng hoá chất, băng cơ giới phải thực hiện các thao tác đúng kỹ thuật, an toàn lao động. Phải có chế độ bồi dưỡng vật chất và khen thưởng cho người tham gia chữa cháy.

c. Nguyên tắc bố trí lực lượng, phương tiện khi chữa cháy:

- Nếu ngọn lửa có xu hướng phát triển và lan tràn chậm, cháy về cả hai phía trái và phải thì đội hình phải bố trí thành từng tiểu đội 8-10 người, lực lượng chữa cháy tiến từ phía sau đám cháy về cả hai phía trái và phải dùng nước hoặc đất, cát, hoá chất hay bàn đập, cành cây tươi đập lửa bao vây không cho lửa lan tràn. Đội hình cứ thế bao vây khép kín về phía đầu ngọn lửa và đập cho đến khi ngọn lửa tắt hẳn.

- Nếu tốc độ gió mạnh trên 6m/giây, ngọn lửa lan tràn nhanh về phía trước thì đội hình bố trí để phát băng, cuốc đất hoặc dội nước từ phía trước ngọn lửa và tiến về phía sau theo hai cánh cung cho đến khi khép kín và đập cho lửa tắt hẳn không còn than lửa cháy lại.

- Sử dụng các dụng cụ chữa cháy như: Cào, cuốc, xẻng, cưa, dao, bình đeo vai, xe ô tô, lựu đạn chữa cháy, máy bay, xe ủi để lợi dụng nguồn nước, đất cát hoặc hoá chất như P_2O_5 , K_3PO_4 , CO_2 ... để làm suy yếu ngay một trong ba yếu tố tham gia quá trình cháy: Vật liệu, ô xy và nhiệt.

Điều 36: Những vụ cháy rừng xảy ra ở địa phương, kiểm lâm sở tại phải chủ động phối hợp với các ngành chức năng điều tra, xác minh, tìm nguyên nhân thủ phạm gây cháy và lập biên bản có biện pháp xử lý nghiêm minh và báo cáo về cấp trên theo mẫu thống nhất.

CHƯƠNG IV: KINH PHÍ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 37: Kinh phí cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng được quy định như sau:

- Căn cứ vào Điều 37 Luật bảo vệ và phát triển rừng, Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 22/CP ngày 09/3/1995 của Chính phủ về phòng cháy chữa cháy rừng, hàng năm các chủ rừng phải lập kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng để cấp có thẩm quyền phê duyệt và cấp kinh phí.

- Những diện tích rừng do kiểm lâm quản lý thì hàng năm Chi cục kiểm lâm lập kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng và kế hoạch tài chính trình UBND tỉnh phê duyệt trích từ nguồn kinh phí sự nghiệp lâm nghiệp của Nhà nước.

- Đối với những diện tích đất lâm nghiệp Nhà nước giao cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân thì hàng năm chủ rừng phải lập kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng và kế hoạch tài chính để cấp có thẩm quyền phê duyệt chi cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng thuộc phạm vi chủ rừng quản lý kinh doanh.

- Đối với rừng trồng bao gồm rừng phòng hộ, rừng trồng tập trung vốn của Nhà nước, kinh phí về phòng cháy chữa cháy rừng được quy định như sau:

+ Rừng trồng mới trong năm thì hạch toán vào giá thành trồng rừng hàng năm.

+ Đối với rừng trồng các năm trước (kể từ năm thứ hai trở đi) chủ rừng lập kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng và kế hoạch tài chính để cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch hàng năm.

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38: Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, Chi cục kiểm lâm có trách nhiệm phối hợp với các ngành hữu quan và chính quyền địa phương nơi có rừng để hướng dẫn triển khai và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình này.

Điều 39: Các chủ rừng nếu để rừng bị cháy do không thực hiện đầy đủ các điều quy định trong quy trình này thì tùy theo mức độ thiệt hại sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Điều 40: Bản quy trình phòng cháy chữa cháy rừng này được phổ biến đến tất cả các tổ chức, nhân dân trong tỉnh để triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì, các cấp, các ngành cần phản ánh kịp thời với UBND tỉnh để xem xét bổ sung điều chỉnh.